

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ TRỌNG HÙNG

VẤN ĐỀ VĂN HOÁ ỨNG XỬ VỚI  
MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CỦA CƯ DÂN VÙNG  
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG  
VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

Mã số: 9229002

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

*Người hướng dẫn khoa học:* 1. TS. Trần Sỹ Dương

2. TS. Triệu Quang Minh

**Chủ tịch hội đồng**

**PGS.TS. Đặng Quang Định**

*Phản biện 1:* PGS.TS. Cao Thu Hằng

*Tạp chí Cộng sản*

*Phản biện 2:* GS.TS. Trần Văn Phòng

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

*Phản biện 3:* PGS.TS. Hà Đức Long

*Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng*

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện**

**Họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

*Vào hồi 14 giờ 00 ngày 06 tháng 02 năm 2026*

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia  
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong bối cảnh khủng hoảng môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu đang trở nên nghiêm trọng, vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên đã trở thành ưu tiên mang tính sống còn đối với mọi quốc gia. Tại Việt Nam, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập thị trường quốc tế đã tạo ra nhiều áp lực đối với tài nguyên thiên nhiên, dẫn đến suy thoái môi trường, ô nhiễm và mất cân bằng sinh thái. Tư duy kinh tế thị trường hướng đến tối đa hóa lợi nhuận khiến nhiều chủ thể cố gắng khai thác tài nguyên thiên nhiên quá mức, gây những hệ lụy nghiêm trọng như suy thoái hệ sinh thái, ô nhiễm và mất đa dạng sinh học.

Trước thực trạng đó, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 của Đảng tại Đại hội XIII đã đề ra định hướng “phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”, đồng thời nhấn mạnh phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu. Tư tưởng này phản ánh cách tiếp cận phát triển bền vững dựa trên nhận thức hài hòa giữa tự nhiên - con người - xã hội, yêu cầu sự thay đổi trong cách nhìn nhận mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, cả trên bình diện thực tiễn lẫn triết học. Trong cấu trúc này, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên đóng vai trò quan trọng, biểu thị nhận thức, giá trị và hành vi của con người đối với tự nhiên. Khi mối quan hệ con người - tự nhiên bị phá vỡ bởi tư duy lợi ích ngắn hạn, lối sống tiêu dùng, thì việc khôi phục sự hài hòa với tự nhiên không chỉ là giải pháp thực tiễn mà còn là yêu cầu đạo lý và nhân văn.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là khu vực điển hình thể hiện rõ điều này. Đây là vùng có hệ sinh thái đa dạng, mạng lưới sông ngòi chằng chịt, đất phù sa màu mỡ và tài nguyên thủy sinh phong phú, đóng góp 50% sản lượng lúa và 70% giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Văn hóa sông nước và tri thức bản địa đã tạo nên một nền văn hóa ứng xử hài hòa với tự nhiên. Người dân đã biết tận dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý qua các mô hình sinh thái truyền thống như “lúa - cá”, “lúa - tôm”, “vườn - ao - chuồng”, vừa đảm bảo kinh tế vừa duy trì cân bằng tự nhiên. Bên cạnh đó, nhiều cộng đồng vẫn giữ thói quen sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường và có hoạt động tự giác trong bảo vệ tự nhiên như trồng rừng ngập mặn, thu gom rác thải, bảo vệ nguồn nước và chống sạt lở.

Tuy nhiên, tiến trình hiện đại hóa và áp lực dân số đã gây ra những biến đổi đáng lo ngại trong ứng xử với môi trường tự nhiên. Việc lạm dụng hóa chất nông nghiệp, tình trạng rác thải nhựa tràn lan và thiếu hệ thống xử lý bài bản đã tác động tiêu cực tới môi trường. Một bộ phận cư dân còn thiếu nhận thức và kỹ năng xử lý rác thải đúng quy chuẩn. Tình trạng khai thác cát trái phép, lấn chiếm bờ sông, cùng với sụt giảm tri thức bản địa do đứt gãy truyền thống giữa các thế hệ, làm suy yếu nền văn hóa ứng xử với tự nhiên vốn lành mạnh trước đây. Vấn đề này bắt nguồn từ

nhận thức chưa đầy đủ của một số cơ quan quản lý, sự hạn chế trong giáo dục môi trường, thiếu tuyên truyền văn hóa sinh thái, và ý thức cộng đồng chưa được phát huy đúng mức.

Đứng trước những biến động của khí hậu và suy thoái hệ sinh thái, việc nâng cao văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân ĐBSCL trở thành yêu cầu cấp thiết. Văn kiện Đại hội XIII đã khẳng định nhiệm vụ quản lý và bảo tồn tài nguyên bền vững, bảo đảm an ninh sinh thái, an ninh nguồn nước, và nhấn mạnh vai trò của giáo dục nâng cao nhận thức trong bảo vệ môi trường. Vì các lý do đó nghiên cứu sinh chọn đề tài: ***“Vấn đề văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”*** làm đề tài luận án vì nó thực sự có ý nghĩa lý luận và thực tiễn hiện nay.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Luận án phân tích và làm rõ những vấn đề lý luận và thực trạng văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và những vấn đề đặt ra từ thực trạng đó, qua đó đề xuất một số nhóm giải pháp cơ bản nhằm nâng cao văn hoá ứng xử của cư dân với môi trường tự nhiên.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu trên, luận án cần thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

*Thứ nhất*, tiến hành tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

*Thứ hai*, phân tích một số vấn đề lý luận về văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL.

*Thứ ba*, phân tích thực trạng văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay và những vấn đề đặt ra.

*Thứ tư*, đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận án tập trung nghiên cứu văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

*Về không gian nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long Theo thông báo số 65-TB/ĐU, ngày 04 tháng 06 năm 2025 Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Đảng uỷ Chính phủ tại cuộc họp về định hướng điều chỉnh phân vùng và điều chỉnh quy hoạch vùng kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long gồm 05 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau.

*Về thời gian nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu vấn đề văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2013 - 2024.

*Về nội dung nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL thể hiện cụ thể (1) nhận thức của cư dân vùng về quy tắc, chuẩn mực ứng xử với môi trường tự nhiên; (2) Thái độ, hành vi của cư dân vùng trong khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; (3) Thái độ, hành vi của cư dân vùng trong bảo vệ và phục hồi các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

#### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

##### **4.1. Cơ sở lý luận**

Cơ sở lý luận của luận án được xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến vấn đề văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên.

##### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp nghiên cứu của luận án là vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; kết hợp với các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể như sau: Phương pháp lịch sử và lôgic, phương pháp điều tra và khảo sát, phương pháp khái quát hoá và trừu tượng hoá, phân tích và tổng hợp, thống kê so sánh đối chiếu, dự báo khoa học.

#### **5. Những đóng góp mới của luận án**

Luận án góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận liên quan đến văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL hiện nay thông qua việc nghiên cứu nội dung văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên tại các địa phương vùng ĐBSCL, xác định tầm quan trọng của văn hoá ứng xử này cùng các yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến quá trình hình thành và phát triển của nó ở cả hai mặt tích cực và tiêu cực đối với đời sống cộng đồng cư dân địa phương, phân tích những ưu điểm đạt được cũng như các hạn chế còn tồn tại, đồng thời chỉ rõ các vấn đề đang đặt ra hiện nay và đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao và phát huy văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL.

#### **6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của luận án**

*Về mặt lý luận:* Luận án góp phần làm rõ những nội dung về mặt lý luận về vấn đề văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

*Về mặt thực tiễn:*

Luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ cho nghiên cứu khoa học. Những đề xuất của luận án có ý nghĩa nhất định trong hoạch định chính sách hỗ trợ cho các cơ quan quản lý có thêm cơ sở để xây dựng các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để thực hiện văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng.

#### **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình khoa học liên quan và danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án được cấu trúc thành 4 chương, 12 tiết.

## **Chương 1**

### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

#### **1.1. NHỮNG NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LÝ LUẬN VỀ VĂN HOÁ ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN**

Luận án đã tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến lý luận về văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên. Các công trình nghiên cứu dưới dạng sách chuyên khảo, tham khảo; luận án tiến sĩ; bài báo khoa học có liên quan đến đề tài luận án, có đóng góp lớn về mặt khoa học.

#### **1.2. NHỮNG NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THỰC TRẠNG VĂN HOÁ ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CỦA CƯ DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

Luận án đã tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước có liên quan đến thực trạng văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL dưới dạng đề tài khoa học; sách chuyên khảo, tham khảo; luận án tiến sĩ; bài báo khoa học có liên quan đến đề tài luận án. Các công trình này đã cung cấp nền tảng lý luận, tư liệu khoa học quý báu, có đóng góp lớn về mặt khoa học.

#### **1.3. NHỮNG NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI PHÁP NÂNG CAO VĂN HOÁ ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CỦA CƯ DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY**

Trong quá trình nghiên cứu, luận án đã tiến hành tổng quan một số công trình khoa học liên quan đến vấn đề văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, đặc biệt đề cập đến các giải pháp nhằm nâng cao văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên cho cư dân vùng ĐBSCL ... có giá trị về thực tiễn cao, góp phần đề xuất những giải pháp cơ bản cho luận án.

#### **1.4. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA NHỮNG CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ TIẾP TỤC CẦN NGHIÊN CỨU**

##### **1.4.1. Giá trị của những công trình đã tổng quan liên quan đến đề tài luận án**

Vấn đề văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên là một chủ đề có phạm vi rộng, đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả, hình thành nên một hệ thống công trình nghiên cứu phong phú và đa dạng. Các công trình khoa học nêu trên đều có giá trị nhất định cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Đồng thời, chúng cũng cung cấp những gợi mở quan trọng, định hướng cho nghiên cứu sinh trong quá trình triển khai các nội dung của luận án. Những giá trị khoa học này đã được tác giả luận án tiếp thu và kế thừa, tập trung ở các nội dung sau:

*Thứ nhất*, tổng quan các công trình nghiên cứu cho thấy, vấn đề văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên đã được tiếp cận từ nhiều góc độ và cấp độ khác nhau. Các công trình này không chỉ góp phần hình thành và làm rõ các khái niệm, đặc biệt là “văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên” dưới các góc nhìn triết học mà còn cung

cấp nền tảng để xây dựng khung phân tích lý thuyết cho luận án. Trên phương diện khái niệm, các nghiên cứu đã chỉ ra văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên là hệ thống các chuẩn mực, giá trị, thái độ và hành vi được cộng đồng chấp nhận và thực hành, nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, bảo đảm sự hài hoà, thích nghi và phát triển bền vững.

*Thứ hai*, về thực trạng, các công trình nghiên cứu đã công bố cho thấy, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên được tiếp cận từ nhiều góc độ để phân tích thực trạng tại ĐBSCL. Về ưu điểm, các công trình đã chỉ ra những giá trị bền vững trong tri thức bản địa, tập quán ứng xử hài hoà với tự nhiên, khả năng thích nghi trước biến đổi khí hậu, cũng như những biểu hiện tích cực trong sản xuất, sinh hoạt, tín ngưỡng gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên. Tuy nhiên, các công trình cũng cho thấy nhiều hạn chế: sự mai một dần của các chuẩn mực ứng xử truyền thống; tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, công nghiệp hóa và đô thị hóa; nhận thức và hành vi môi trường chưa đồng bộ giữa các nhóm dân cư; việc thực thi pháp luật môi trường còn thiếu hiệu quả; cùng với đó là tình trạng khai thác tài nguyên thiếu bền vững và suy giảm ý thức cộng đồng trong bảo tồn sinh thái.

*Thứ ba*, tổng hợp các công trình nghiên cứu liên quan cho thấy, để nâng cao văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp gắn với đặc điểm sinh thái, kinh tế - xã hội và truyền thống văn hoá bản địa. Một là, cần đẩy mạnh giáo dục và truyền thông văn hoá môi trường, chú trọng giáo dục đạo đức sinh thái, phổ biến tri thức về bảo vệ tài nguyên, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững nhằm hình thành nhận thức và hành vi thân thiện với môi trường. Hai là, phải hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường thực thi pháp luật về môi trường, bao gồm kiểm tra, giám sát và xử phạt nghiêm các hành vi gây ô nhiễm, đồng thời lồng ghép yếu tố văn hoá vào các chương trình quản lý tài nguyên, xử lý chất thải, bảo vệ nguồn nước và đa dạng sinh học. Ba là, khuyến khích bảo tồn và phát huy tri thức bản địa, tập quán ứng xử hài hoà với tự nhiên của cộng đồng cư dân, kết hợp sáng tạo với khoa học - công nghệ để xây dựng mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

#### **1.4.2. Những vấn đề đặt ra mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu**

Trên cơ sở tổng quan các công trình đã nghiên cứu, có thể thấy chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp và có hệ thống về văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy, luận án cần làm rõ ba vấn đề chủ yếu: Nhận thức của cư dân vùng ĐBSCL để hình thành quy tắc, chuẩn mực ứng xử với môi trường tự nhiên; Thái độ, hành vi của cư dân vùng ĐBSCL trong khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; Thái độ, hành vi của cư dân vùng ĐBSCL trong bảo vệ và phục hồi các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Để đánh giá được thái độ hành vi của cư dân vùng ĐBSCL trong thực hiện văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, luận án tiến hành khảo sát thực trạng vấn đề này, tiến hành lập phiếu điều tra, phát hành phiếu điều tra khảo sát cho đối tượng là cư dân vùng

ĐBSCL để đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, luận án xác định và chỉ rõ những vấn đề đặt ra còn bất cập trong thực hiện văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL hiện nay. Trên cơ sở phân tích các vấn đề được đặt ra, luận án đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL hiện nay.

## **Chương 2**

### **VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CỦA CƯ DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN**

#### **2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN**

##### **2.1.1. Quan niệm về văn hoá, văn hoá ứng xử**

###### *Quan niệm về văn hoá*

Văn hóa là một phạm trù được hình thành và phát triển trong tiến trình lịch sử tư tưởng nhân loại, phản ánh những cách tiếp cận khác nhau về bản chất và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội. Trong khuôn khổ luận án tác giả đồng quan điểm với cách hiểu: *Văn hóa là tổng thể những nét riêng biệt về tinh thần, vật chất, trí tuệ và cảm xúc đặc trưng cho một xã hội hay một nhóm xã hội; bao gồm không chỉ nghệ thuật và văn học, mà còn cả lối sống, hệ giá trị, truyền thống, tín ngưỡng - những yếu tố chi phối thái độ và hành vi của con người.* Đây là định nghĩa về văn hóa được UNESCO (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc) chính thức đưa ra tại Hội nghị thế giới về các chính sách văn hóa tại Mexico City vào năm 1982. Định nghĩa này được coi là một trong những cách tiếp cận toàn diện và phổ biến hiện nay, bởi nó không giới hạn văn hóa trong lĩnh vực nghệ thuật hay tinh hoa tinh thần, mà mở rộng sang toàn bộ đời sống xã hội của con người.

###### *Quan niệm về văn hoá ứng xử*

Quan niệm về văn hóa ứng xử đã hình thành và phát triển cùng với tiến trình lịch sử của xã hội loài người, phản ánh sự chuyển biến trong nhận thức về hành vi, thái độ và mối quan hệ giữa con người với con người, con người với tự nhiên và cộng đồng xã hội. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, văn hóa nói chung và văn hóa ứng xử nói riêng không tồn tại độc lập mà phản ánh mối quan hệ giữa con người với điều kiện tồn tại xã hội; hành vi ứng xử là kết quả của quá trình tương tác giữa cá nhân và môi trường sống trong khuôn khổ của các thiết chế văn hóa, kinh tế và chính trị. Trên cơ sở đó quan điểm của tác giả luận án hiểu rằng: *Văn hoá ứng xử là tổng hòa những thái độ, chuẩn mực và hành vi của con người trong quá trình tương tác với môi trường xã hội và môi trường tự nhiên, được hình thành trên cơ sở nhận thức, giá trị văn hoá và trình độ phát triển kinh tế - xã hội ở những giai đoạn lịch sử nhất định, qua đó định hướng cách con người lựa chọn và điều chỉnh hành vi của mình.* Khái niệm này cho thấy văn hoá ứng xử không phải là hành động đơn lẻ hay ngẫu



nhiên, mà là kết quả của một quá trình phức hợp giữa yếu tố chủ quan bên trong và điều kiện khách quan bên ngoài.

### **2.1.2. Quan niệm về môi trường, môi trường tự nhiên**

#### *Quan niệm về môi trường*

Đầu tiên, khi đề cập về khái niệm môi trường, có nhiều cách tiếp cận và định nghĩa khác nhau tùy theo lĩnh vực nghiên cứu. Một số quan điểm cho rằng, môi trường là tổng thể các yếu tố vật chất tự nhiên như đất, nước, không khí, ánh sáng, âm thanh, cùng với các hệ sinh vật, động thực vật bao quanh con người.

Hoặc trong văn bản pháp luật, Luật Bảo vệ môi trường: “*Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên*” hoặc là: “Yếu tố vật chất tạo thành môi trường là đất, nước, không khí, sinh vật, âm thanh, ánh sáng và các hình thái vật chất khác. Mặc dù các cách tiếp cận không hoàn toàn đồng nhất, nhưng nhìn chung, môi trường được hiểu là tổng thể các yếu tố tự nhiên tồn tại bên ngoài con người.

Khái niệm này không chỉ đơn thuần đề cập đến thế giới tự nhiên nói chung, mà nhấn mạnh đến thế giới tự nhiên trong mối quan hệ mật thiết với đời sống sinh hoạt của con người và tác động của nó đối với quá trình phát triển của xã hội loài người. Do đó, tác giả luận án hiểu khái niệm môi trường dưới góc độ các yếu tố vật chất theo định nghĩa được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường, nhằm đảm bảo tính nhất quán và phù hợp với mục tiêu nghiên cứu đã đề ra.

#### *Quan niệm về môi trường tự nhiên*

Hiểu theo nghĩa hẹp: “Môi trường tự nhiên bao gồm các yếu tố thiên nhiên như vật lý, hóa học, sinh học tồn tại ngoài ý muốn của con người nhưng cũng ít nhiều chịu sự tác động của con người. Đó là ánh sáng môi trường, núi sông, biển cả, không khí, động thực vật, đất nước,...Môi trường tự nhiên cho ta không khí để thở, đất để xây nhà cửa, trồng cây chăn nuôi, cung cấp cho con người các loại tài nguyên khoáng sản phục vụ cho sản xuất và tiêu thụ”. Theo nghĩa rộng: “Môi trường là các yếu tố vô cơ và hữu cơ cùng tồn tại trong một không gian bao quanh con người hay một sinh vật nào đó. Các yếu tố đó quan hệ mật thiết, tương tác lẫn nhau và tác động lên các cá thể sinh vật hay con người để cùng tồn tại và phát triển. Tổng hòa các chiều hướng phát triển của các nhân tố này quyết định chiều hướng phát triển của các cá thể sinh vật, của hệ sinh thái và của xã hội loài người”

Theo tác giả luận án: *Môi trường tự nhiên là tổng thể các yếu tố vật chất tồn tại khách quan bên ngoài con người, bao gồm không khí, nước, đất, địa hình, khí hậu, hệ động - thực vật và các dạng tài nguyên thiên nhiên; đó là không gian sống, nguồn cung cấp tài nguyên và các điều kiện sinh tồn cơ bản, bảo đảm cho con người và các loài sinh vật tồn tại và phát triển trong những giai đoạn lịch sử nhất định.*

### **2.1.3. Quan niệm về văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên**

Các nhà sáng lập của chủ nghĩa Mác - Lênin mặc dù không bàn trực tiếp tới văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, nhưng trong quan điểm của các ông bàn tới

mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình lao động sản xuất của con người. Sự tương tác hai chiều thể hiện mối quan hệ biện chứng, chặt chẽ và không thể tách rời giữa con người và tự nhiên, qua đó phản ánh tính chất phức tạp và sâu sắc của tiến trình phát triển xã hội loài người trong mối quan hệ với thế giới tự nhiên nghĩa là. “Bản chất con người của tự nhiên chỉ tồn tại đối với con người xã hội, vì chỉ có trong xã hội, tự nhiên đối với con người mới là một khâu liên hệ giữa con người với con người... chỉ có trong xã hội, tự nhiên mới hiện ra như là cơ sở của sự tồn tại có tính chất người của bản thân con người”.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng con người là một bộ phận cấu thành của tự nhiên, do đó mọi hoạt động của con người phải tuân theo quy luật tự nhiên. Việc vi phạm những quy luật này sẽ dẫn đến hậu quả tiêu cực do phản ứng tự nhiên gây ra. Trong mối quan hệ giữa con người và tự nhiên là một quá trình tương tác hai chiều, trong đó sự tác động của tự nhiên phụ thuộc vào cách con người cải biến môi trường. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên đóng vai trò nền tảng định hình quan hệ này, trong sản xuất, con người đã khai thác và biến đổi tự nhiên mạnh mẽ, thu nhận ngày càng nhiều tài nguyên vật chất để đáp ứng nhu cầu xã hội, đặc biệt khi kết hợp với ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại. cụ thể là công cụ lao động ngày càng hiện đại, con người đã chứng minh sức mạnh của mình trong chinh phục tự nhiên, cũng đồng nghĩa với việc con người đang làm phá vỡ sự cân bằng vốn có của tự nhiên.

Ph.Ăngghen đã lưu ý đến quá trình chinh phục và cải biến tự nhiên trong tiến trình sản xuất xã hội, đến sự tác động của con người lên giới tự nhiên, chứ không phải chỉ có giới tự nhiên chi phối con người. Trong quá trình sản xuất, thông qua lao động, con người đã làm biến đổi tự nhiên, thậm chí điều khiển tự nhiên theo mục đích của mình, sự khác biệt thể hiện ở chỗ “Con vật chỉ sản xuất ra bản thân nó, còn con người thì tái sản xuất ra toàn bộ giới tự nhiên”

Trên cơ sở phân tích trên, tác giả luận án nhận thức rằng: *Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên là tổng hòa những thái độ, chuẩn mực và hành vi của con người trong quá trình khai thác, sử dụng, cải biến và bảo vệ các yếu tố tự nhiên, được hình thành và điều chỉnh trên cơ sở nhận thức, cảm xúc, hệ giá trị cá nhân và chuẩn mực văn hoá cộng đồng, nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa con người và tự nhiên, hướng tới phát triển bền vững.* Văn hóa này phản ánh mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên trong khai thác, sử dụng và ý thức bảo vệ, tái tạo, phục hồi nguồn tài nguyên, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững cho cả con người và hệ sinh thái trong những giai đoạn lịch sử cụ thể. Do đó, khi nói đến văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên nghĩa là chúng ta đang nhấn mạnh đến vấn đề văn hoá của những cộng đồng người tác động vào môi trường tự nhiên hàng ngày và được lặp đi lặp lại được số đông trong cộng đồng người hành động có hệ thống cũng như có một ý nghĩa xã hội nhất định nó chi phối nhận thức, thái độ, hành vi của con người trong cộng đồng xã hội.

## **2.2. VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CỦA CƯ DÂN Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG - QUAN NIỆM, NỘI DUNG VÀ TẦM QUAN TRỌNG**

### **2.2.1. Quan niệm về văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long**

Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, văn hoá là một bộ phận thuộc kiến trúc thượng tầng, phản ánh tồn tại xã hội, trong đó có quan hệ sản xuất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và điều kiện sinh sống của con người. Văn hoá, với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, luôn chịu sự quy định và chi phối bởi cơ sở hạ tầng, tức tồn tại xã hội. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long gồm 05 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau, theo thông báo số 65 -TB/ĐU, ngày 04 tháng 06 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng uỷ Chính phủ tại cuộc họp về định hướng điều chỉnh phân vùng và điều chỉnh quy hoạch vùng kinh tế - xã hội. Đây là vùng kinh tế trọng điểm về nông nghiệp của cả nước, có hệ thống sông ngòi chằng chịt, đất đai màu mỡ và đóng vai trò quan trọng trong an ninh lương thực quốc gia

*Thứ nhất, điều kiện tự nhiên đặc thù của các địa phương vùng ĐBSCL*

Là vùng đồng bằng châu thổ lớn nhất nằm ở cực Nam của Việt Nam, về vị trí địa lý, vùng ĐBSCL giáp với Campuchia ở phía Bắc, giáp vùng Đông Nam Bộ ở phía Đông Bắc, phía Đông và Nam giáp Biển Đông, phía Tây Nam giáp Vịnh Thái Lan. Nhờ vị trí tiếp giáp thuận lợi, vùng này có điều kiện giao thương nội địa và quốc tế bằng cả đường thủy lẫn đường bộ rất phát triển. Địa hình của vùng chủ yếu là đồng bằng thấp, bằng phẳng, có độ cao trung bình từ 0,5 đến 1,5 mét so với mực nước biển, thuận lợi cho hoạt động nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa và nuôi trồng thủy sản. Hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc là một đặc trưng nổi bật của vùng ĐBSCL, góp phần hình thành nên cấu trúc địa lý, sinh thái độc đáo của vùng này. Với mạng lưới sông ngòi tự nhiên như sông Tiền, sông Hậu cùng hàng nghìn tuyến kênh rạch nhân tạo chằng chịt, hệ thống thủy văn tại đây không chỉ đảm bảo vai trò điều tiết nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp mà còn đóng vai trò quan trọng trong đời sống, sinh hoạt và văn hóa của cư dân địa phương. Sự phân bố dày đặc của sông, rạch còn tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đường thủy, phát triển thủy sản và du lịch sinh thái sông nước.

*Thứ hai, điều kiện về kinh tế ở các địa phương của vùng ĐBSCL*

Quá trình phát triển kinh tế tại vùng này mang những đặc điểm riêng biệt, thể hiện ở một số đặc điểm chủ yếu sau.

*Một là, cơ cấu kinh tế của vùng ĐBSCL có sự chuyển biến đáng kể trong những thập niên gần đây, phản ánh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đặc thù nông nghiệp của vùng.* Truyền thống là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của cả nước, ĐBSCL hiện vẫn giữ vai trò chủ lực về sản xuất lúa gạo (chiếm khoảng 50% sản lượng lúa quốc gia), thủy sản (70% sản lượng thủy sản nuôi trồng) và trái cây (60% sản lượng cả nước)

*Hai là*, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và giao thông kết nối tại nhiều địa phương vẫn chưa được phát triển đồng bộ, gây ra những trở ngại đáng kể trong việc thu hút đầu tư và mở rộng các hoạt động kinh tế. Sự thiếu liên kết giữa các tuyến giao thông huyết mạch, cả về đường bộ, đường thủy và logistics hỗ trợ, làm gia tăng chi phí vận chuyển, kéo dài thời gian luân chuyển hàng hóa và làm giảm sức cạnh tranh của địa phương trong việc hình thành và phát triển các chuỗi giá trị.

*Ba là*, tác động của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và sụt lún đất đang đe dọa đến tính bền vững của nền kinh tế nông nghiệp truyền thống. Nông nghiệp ở ĐBSCL, vốn được xây dựng trên nền tảng mối quan hệ ổn định giữa môi trường tự nhiên và con người, đang bị ảnh hưởng cơ bản.

*Bốn là*, nguồn nhân lực tại chỗ ở ĐBSCL hiện nay cho thấy nhiều hạn chế, đặc biệt là sự thiếu hụt lao động chất lượng cao do chưa được đào tạo và sử dụng một cách hiệu quả. Tình trạng này không chỉ ảnh hưởng đến năng suất lao động mà còn làm giảm khả năng cạnh tranh và hấp dẫn đầu tư của toàn vùng.

Như vậy, mặc dù có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển kinh tế nhưng vùng ĐBSCL chưa tận dụng, khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên một cách hợp lý, tối ưu thể hiện được văn hoá trong ứng xử với môi trường tự nhiên nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển để nâng cao đời sống cho cư dân vùng.

*Thứ ba, đặc điểm văn hoá - xã hội và con người ở các địa phương của vùng đồng bằng sông Cửu Long*

*Một là*, văn hóa vùng ĐBSCL, hay còn gọi là văn hóa Tây Nam Bộ, mang đậm dấu ấn của môi trường tự nhiên và điều kiện xã hội đặc thù, từ đó hình thành hai đặc điểm nổi bật: tính sông nước và tính trọng tình nghĩa.

*Hai là*, đặc điểm về con người, tức là đề cập đến dân số của vùng ĐBSCL khoảng 17.744.947 người (2024), dân số được xếp vào nhóm trẻ tuổi, khoảng 53% dân số trong vùng ở độ tuổi dưới 20, có 24,3% dân số từ 20 đến 34 tuổi và có 22,7% dân số trên 35 tuổi.

Trên cơ sở quan niệm và căn cứ vào đặc điểm, đặc thù của môi trường tự nhiên ở các địa phương vùng ĐBSCL, tác giả luận án xác định: *Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long là tổng hòa hệ thống các nguyên tắc, giá trị, chuẩn mực, thái độ, hành vi ứng xử của cư dân đối với môi trường tự nhiên trong quá trình tồn tại và phát triển, được hình thành và điều chỉnh trên cơ sở nhận thức, cảm xúc, hệ giá trị cá nhân cũng như chuẩn mực văn hóa cộng đồng. Phản ánh mối quan hệ giữa cư dân và môi trường tự nhiên trong khai thác, sử dụng và ý thức bảo vệ, tái tạo và phục hồi nguồn tài nguyên, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững cho cả con người và hệ sinh thái trong những giai đoạn lịch sử nhất định.*

Như vậy, bản thân nội hàm khái niệm văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên để luận án xác định nội dung trọng tâm của vấn đề văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long là; (1) nhận thức của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long về quy tắc, chuẩn mực ứng xử với môi trường tự nhiên;

(2) Thái độ, hành vi của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long trong khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; (3) Thái độ, hành vi của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bảo vệ và phục hồi các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

### **2.2.2. Nội dung văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long**

*Thứ nhất, nhận thức của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long để hình thành quy tắc, chuẩn mực ứng xử với môi trường tự nhiên*

Nhận thức có nghĩa là “quá trình phản ánh hiện thực khách quan một cách tích cực, sáng tạo vào trong óc con người, là kết quả của sự tác động qua lại giữa chủ thể và khách thể thông qua thực tiễn”. Quy tắc là những điều quy định mọi người phải tuân theo trong một hoạt động chung nào đó. Chuẩn mực là những quy định hoặc kỳ vọng mang tính xã hội về hành vi được xem là đúng, phù hợp, hoặc chấp nhận được trong một cộng đồng, nhóm người hoặc xã hội cụ thể: Chuẩn mực thể hiện cái "nên làm" và "không nên làm" dựa trên hệ giá trị chung.

Nhận thức phản ánh năng lực tiếp thu tri thức khoa học, khả năng tư duy phân biện và mức độ tự ý thức của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Vùng ĐBSCL, dân cư phần lớn sống ở nông thôn, sinh kế phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp, thủy sản, sông nước, nên trình độ học vấn và dân trí không đồng đều giữa các địa phương trong vùng.

Giáo dục môi trường, đặc biệt trong các cấp học phổ thông, là công cụ lâu dài giúp định hình hệ giá trị và chuẩn mực ứng xử thân thiện với môi trường tự nhiên. Bên cạnh đó, chính sách môi trường từ trung ương đến địa phương, nếu được thực thi đồng bộ, minh bạch và sát với điều kiện thực tiễn vùng, sẽ tạo cơ sở pháp lý và định hướng nhận thức rõ ràng cho cư dân trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững.

Quy tắc, chuẩn mực trong văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL được biểu hiện qua các quy định pháp luật, Hương ước, Quy ước, chính là sự kết tinh giữa nhận thức và hành động của cư dân trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên. Pháp luật là công cụ quản lý xã hội hữu hiệu nhất, được Nhà nước ban hành đảm bảo thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của người dân đối với công tác bảo vệ môi trường tự nhiên được thể hiện rõ ràng thông qua hệ thống chính sách và pháp luật của Nhà nước.

*Thứ hai, thái độ, hành vi của cư dân trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong môi trường tự nhiên hợp lý ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long*

*Thái độ, hành vi khai thác, sử dụng tài nguyên đất.* Ở vùng ĐBSCL nơi có điều kiện địa mạo phức hợp, đất đai được chia thành nhiều loại như đất phù sa, đất phèn, đất mặn, mỗi loại đất phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa điều kiện tự nhiên với phương thức sản xuất cụ thể của con người.

*Thái độ, hành vi khai thác, sử dụng tài nguyên nước*, tài nguyên nước giữ vai trò vật chất nền tảng, là điều kiện tiên quyết cho tồn tại và phát triển của con người, đặc biệt trong một vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm như ĐBSCL

*Thái độ, hành vi khai thác, sử dụng tài nguyên rừng ngập mặn*, con người là chủ thể cải biến tự nhiên thông qua thực tiễn, nhưng đồng thời phải tôn trọng và bảo vệ các điều kiện tồn tại của tự nhiên vốn là “thân thể vô cơ của con người”. Hệ sinh thái rừng ngập mặn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, dù chiếm diện tích không lớn, nhưng đóng vai trò thiết yếu trong cân bằng sinh thái, phát triển kinh tế và ứng phó với biến đổi khí hậu.

*Thái độ, hành vi khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản*, Theo quan điểm duy vật lịch sử, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội là động lực thúc đẩy hoạt động khai thác, nhưng nếu thiếu ý thức bảo vệ môi trường, hành vi này sẽ dẫn đến mâu thuẫn giữa phát triển và bảo tồn.

*Thái độ, hành vi khai thác thắng cảnh tự nhiên phục vụ du lịch*, ở ĐBSCL hiện nay đang phát triển mạnh mẽ, với nhiều loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch sông nước, du lịch miệt vườn và du lịch văn hóa. Các điểm du lịch nổi tiếng như Cần Thơ, Vĩnh Long, Cà Mau và An Giang thu hút lượng lớn du khách trong và ngoài nước.

*Thái độ, hành vi khai thác, nuôi trồng thủy sản trong môi trường tự nhiên*. Việc sử dụng các phương pháp khai thác không bền vững như lưới điện, chất nổ, và khai thác quá mức đã làm mất cân bằng hệ sinh thái, giảm sản lượng đánh bắt và ảnh hưởng đến đa dạng sinh học

*Thứ ba, thái độ, hành vi của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bảo vệ và phục hồi các nguồn tài nguyên trong môi trường tự nhiên*

*Những hành vi bảo vệ tài nguyên trong môi trường tự nhiên*

*Một là*, những hành vi cụ thể trong bảo vệ rừng ngập mặn và rừng tràm ở một số địa phương ở vùng ĐBSCL. Hành vi bảo vệ rừng ngập mặn và rừng tràm là khái niệm chỉ những hoạt động có ý thức của cư dân, được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức nhằm duy trì, gìn giữ và ngăn ngừa sự suy thoái của rừng ngập mặn và rừng tràm ở có một ý nghĩa quan trọng trong văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa nhận thức, thực tiễn và tồn tại xã hội. Đầu tiên, cư dân thể hiện cam kết không tự ý chặt phá rừng để nuôi tôm hay làm nhà, hỗ trợ các chính sách bảo tồn tài nguyên trong môi trường tự nhiên.

*Hai là*, thái độ, hành vi bảo vệ tài nguyên nước và đất. Dưới góc độ tiếp cận từ tồn tại xã hội, việc bảo vệ tài nguyên trong môi trường tự nhiên ở vùng ĐBSCL không chỉ phản ánh ý thức về môi trường tự nhiên mà còn là điều kiện tất yếu để đảm bảo duy trì phương thức sản xuất, ổn định sinh kế của cộng đồng cư dân vùng, hướng tới phát triển bền vững. Nghị quyết số 13-NQ/TW năm 2022 về phương hướng phát

triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã khẳng định, tài nguyên nước là “yếu tố cốt lõi” của vùng.

*Ba là, thái độ, hành vi khai thác thủy sản có kiểm soát của cư dân vùng ĐBSCL* phản ánh mối quan hệ giữa cơ sở sản xuất, nhu cầu sinh kế, và nguyên tắc bảo vệ nguồn lợi trong môi trường tự nhiên. Đây không chỉ là hành vi tập quán, mà còn là kết quả của sự điều chỉnh xã hội thông qua các quy định của pháp luật và Hương ước của cộng đồng cư dân ở các địa phương. Cư dân ĐBSCL thực hiện không đánh bắt cá mùa sinh sản như cá linh non nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho tương lai.

*Những hành vi cụ thể phục hồi tài nguyên trong môi trường tự nhiên*

*Một là, hành vi trồng rừng ngập mặn và rừng phòng hộ của cư dân vùng ĐBSCL* không chỉ là phản ứng trước biến đổi tự nhiên, mà còn là thực tiễn sản xuất định hình. Đây không chỉ là những hành động phủ xanh môi trường tự nhiên, mà còn khẳng định sự kết nối chặt chẽ giữa phương thức sản xuất, nhận thức sinh thái và quan hệ xã hội; nhờ có chính sách hỗ trợ, kỹ thuật khoa học và hình thức tổ chức cộng đồng mà những hành vi này mới trở nên có hệ thống, hiệu quả và bền vững, đánh dấu bước tiến từ bảo vệ đơn thuần sang phục hồi hệ sinh thái hướng tới phát triển xã hội hài hòa với môi trường tự nhiên của vùng.

*Hai là, thái độ, hành vi phục hồi đất nông nghiệp bị thoái hóa là phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa nhận thức và thực tiễn sản xuất, người dân không chỉ nhận thức được tính cấp thiết của việc cải tạo, phục hồi đất mà còn vận dụng tri thức và kinh nghiệm thực tiễn để mang lại hiệu quả kép, phục hồi đất và thu được lợi ích kinh tế - sinh thái. Cụ thể, việc sử dụng chế phẩm vi sinh kết hợp với luân canh cây trồng không chỉ góp phần làm tơi xốp đất, cải thiện độ màu mỡ mà còn giúp hạn chế ô nhiễm môi trường, tiết kiệm và phát huy hiệu quả các nguồn lực tại chỗ.*

*Ba là, thái độ, hành vi tái tạo nguồn lợi thủy sản của cư dân vùng ĐBSCL* thể hiện sự hòa hợp giữa niềm tin dân gian, thực tiễn cộng đồng và ý thức trách nhiệm với môi trường tự nhiên. Trước hết, việc cư dân tham gia các hoạt động “thả cá giống”, “bảo tồn cá đồng” trong mùa nước nổi không chỉ là nghi thức tâm linh mà còn là hành động sinh học có ý thức.

### ***2.2.3. Tầm quan trọng của việc nâng cao văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long***

*Thứ nhất, nâng cao văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên nhằm điều chỉnh nhận thức, thái độ, hành vi của cư dân đối với môi trường tự nhiên ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*

Nâng cao văn hóa ứng xử với môi trường là quá trình hình thành, củng cố và phát triển hệ giá trị, chuẩn mực và hành vi tích cực của cộng đồng đối với môi trường tự nhiên, nhằm đạt được sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Bởi vì, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức, điều chỉnh thái độ và định hướng hành vi của cư

dân vùng ĐBSCL trong quá trình khai thác, sử dụng, bảo vệ và phục hồi tài nguyên trong môi trường tự nhiên.

*Thứ hai, nâng cao văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên nhằm ngăn chặn nhận thức, thái độ, hành vi sai trái của cư dân với môi trường tự nhiên ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*

*Một là*, vai trò ngăn chặn hành vi không đúng trong văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL, góp phần ngăn chặn những biểu hiện lệch lạc trong ứng xử với môi trường tự nhiên.

*Hai là*, ngăn chặn nhận thức sai lệch thông qua giáo dục, truyền thông và chuẩn mực cộng đồng. Trong bối cảnh hiện đại, khi quá trình công nghiệp hóa và biến đổi khí hậu làm gia tăng các hành vi xâm hại môi trường tự nhiên, việc phát huy vai trò điều chỉnh của văn hóa trở nên cấp thiết nhằm ngăn chặn các nhận thức sai lệch về môi trường tự nhiên.

*Ba là*, văn hóa ứng xử giúp ngăn chặn hành vi hủy hoại môi trường tự nhiên. Sự lan tỏa và hiện diện của các giá trị văn hóa sinh thái trong đời sống cộng đồng có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc ngăn chặn hành vi gây tổn hại đến môi trường tự nhiên.

*Thứ ba, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên góp phần phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long*

*Một là*, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên là yếu tố điều chỉnh nhận thức và hành vi của cư dân vùng ĐBSCL. Đây là hệ thống các giá trị, niềm tin và chuẩn mực được cộng đồng gìn giữ qua nhiều thế hệ nhằm định hướng cư dân sống hài hòa với môi trường tự nhiên.

*Hai là*, văn hóa ứng xử truyền thống hỗ trợ khả năng thích ứng và phục hồi tài nguyên trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Trước những thách thức từ biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và sụt lún đất, văn hóa ứng xử truyền thống của người dân ĐBSCL trở thành một nguồn lực quan trọng giúp tăng cường khả năng thích ứng và phục hồi tài nguyên.

*Ba là*, xây dựng và lan tỏa văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường là động lực phát triển bền vững toàn vùng. Trong tiến trình hướng tới phát triển bền vững, việc xây dựng và lan tỏa một nền văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường tự nhiên có ý nghĩa chiến lược đối với vùng ĐBSCL.

## **2.3. NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VĂN HOÁ ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CỦA CƯ DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

### **2.3.1. Những yếu tố khách quan**

*Thứ nhất*, điều kiện tự nhiên đặc thù hai mùa mưa, nắng với hệ sinh thái đa dạng nước ngọt, nước lợ, nước mặn đan xen, địa hình thấp, thường xuyên bị ngập lụt do triều cường, xâm nhập mặn, sạt lở, sụt lún và phù sa bồi đắp, cộng với hệ thống kênh rạch chằng chịt đã định hình nên những tập quán canh tác theo mùa, khai thác



tài nguyên theo chu kỳ sinh thái tự nhiên, từ đó hình thành một lối sống “thuận thiên”, “biết đủ”, có tính cộng đồng và thích nghi cao.

*Thứ hai*, cơ cấu kinh tế - xã hội chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, đặc biệt, quá trình đô thị hóa, cơ cấu chuyển dịch sang sản xuất hàng hóa quy mô lớn, khiến tài nguyên, đất, nước, rừng, bị khai thác triệt để phục vụ thị trường.

*Thứ ba*, biến đổi khí hậu và các tác động toàn cầu như nước biển dâng, thay đổi dòng chảy sông Mekong, ô nhiễm xuyên biên giới đã khiến môi trường tự nhiên của vùng, đặc biệt là hệ sinh thái bị đảo lộn.

### **2.3.2. Những yếu tố chủ quan**

*Thứ nhất*, nhận thức cá nhân và cộng đồng. Trong hệ thống các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, nhận thức của cá nhân và cộng đồng xã hội giữ vai trò trung tâm, có tính quyết định trong việc hình thành hành vi và chuẩn mực xã hội.

*Thứ hai*, tập quán, thói quen sản xuất và sinh hoạt của cư dân được kết tinh từ quá trình thích ứng lâu dài của cư dân với điều kiện môi trường tự nhiên - xã hội đặc thù. Ở vùng ĐBSCL, các tập quán canh tác theo mùa nước nổi, gắn liền với nhịp sống và sinh kế của cư dân vừa khai thác lợi ích từ lũ, vừa bảo vệ và tái tạo tài nguyên thiên trong môi trường tự nhiên, tận dụng phù sa và nước lũ để bón tự nhiên cho đất.

*Thứ ba*, định hướng, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương tác động đến văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, đóng vai trò là nhân tố định hướng nhận thức và điều chỉnh hành vi ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL.

## **Chương 3**

### **VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CỦA CƯ DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA**

#### **3.1. THỰC TRẠNG VĂN HOÁ ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CỦA CƯ DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY**

##### **3.1.1. Ưu điểm trong văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay**

##### **3.1.1.1. Ưu điểm về nhận thức của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long để hình thành quy tắc, chuẩn mực ứng xử với môi trường tự nhiên**

*Một là*, mức độ tiếp cận và nhận thức khái niệm “Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên” của cư dân vùng ĐBSCL qua kết quả khảo sát thực tiễn.

*Hai là*, mức độ tiếp cận thông tin và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên được xem là nền tảng khách quan hình thành và định hướng hành vi của cư dân đối với môi trường sống.

*Ba là*, nhận thức của cư dân vùng ĐBSCL về trách nhiệm và nguồn gốc hình thành quy tắc, chuẩn mực trong văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, phản ánh rõ sự chuyển biến tích cực trong nhận thức xã hội, đồng thời cho thấy nền tảng quan trọng để hình thành văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên.

### ***3.1.1.2. Ưu điểm về thái độ, hành vi của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long trong khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên***

*Một là*, thái độ, hành vi của cư dân vùng trong hoạt động khai thác các nguồn tài nguyên trong môi trường tự nhiên ở ĐBSCL hiện nay.

*Hai là*, thái độ, hành vi của cư dân vùng trong hoạt động sử dụng các nguồn tài nguyên trong môi trường tự nhiên ở ĐBSCL hiện nay một cách hợp lý. Hành vi sử dụng tài nguyên trong môi trường tự nhiên là toàn bộ những hành động của cư dân vùng có mục đích trong việc sử dụng, và phân phối các yếu tố tài nguyên tự nhiên như đất, nước, rừng, hệ sinh thái ngập nước, thủy sản,... để phục vụ đời sống sinh hoạt, sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

### ***3.1.1.3. Ưu điểm về thái độ, hành vi của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bảo vệ và phục hồi các nguồn tài nguyên trong môi trường tự nhiên***

*Một là*, thái độ, hành vi của cư dân trong vùng bảo vệ nguồn tài nguyên trong môi trường tự nhiên. Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2011- 2020 theo Quyết định 351/QĐHC-CTUBND ngày 24/4/2013 góp phần phát triển diện tích rừng ngập mặn trên địa bàn tỉnh.

*Hai là*, thái độ, hành vi của cư dân vùng trong phục hồi nguồn tài nguyên trong môi trường tự nhiên. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long được thể hiện rõ nét qua các hành động phục hồi tài nguyên sau quá trình khai thác.

## **3.1.2. Một số hạn chế trong văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay**

### ***3.1.2.1. Hạn chế trong nhận thức của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long để hình thành quy tắc, chuẩn mực ứng xử với môi trường tự nhiên***

*Một là*, hạn chế ở mức độ tiếp cận và nhận thức khái niệm “Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên” của cư dân vùng ĐBSCL.

*Hai là*, từ thực trạng nhận thức chưa đầy đủ của một bộ phận cư dân về khái niệm “Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên”, việc tìm hiểu mức độ dân cư nắm bắt các văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo của chính quyền các địa phương liên quan đến vấn đề này trở nên đặc biệt quan trọng.

*Ba là*, nhận thức, trách nhiệm xã hội của cộng đồng cư dân đối với môi trường tự nhiên, xác định hiểu biết của cư dân về chủ thể chịu trách nhiệm chính trong văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên còn bộc lộ những hạn chế cụ thể.

### ***3.1.2.2. Hạn chế về thái độ, hành vi của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long trong khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên***

*Một là*, hạn chế của cư dân vùng về thái độ, hành vi trong khai thác nguồn tài nguyên trong môi trường tự nhiên ở ĐBSCL hiện nay.

*Hai là*, hạn chế của cư dân trong hành vi sử dụng tài nguyên trong sản xuất và sinh hoạt. Hành vi sử dụng tài nguyên của cư dân vùng ĐBSCL là tình trạng sử dụng thiếu kiểm soát, thiếu tiết kiệm trong cả sản xuất lẫn sinh hoạt hằng ngày.

### **3.1.2.3. Hạn chế về thái độ, hành vi của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bảo vệ và phục hồi các nguồn tài nguyên thiên nhiên**

*Một là*, hạn chế trong hành vi bảo vệ nguồn tài nguyên trong môi trường tự nhiên. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ thờ ơ và dung túng của một bộ phận cư dân trước các hành vi xâm hại môi trường tự nhiên đang ở mức đáng lo ngại.

*Hai là*, hạn chế trong hành vi phục hồi tài nguyên trong môi trường tự nhiên. Kết quả khảo sát cho thấy một bức tranh đáng lo ngại về sự thờ ơ và thiếu gắn bó của cư dân với các hoạt động phục hồi rừng ngập mặn và rừng phòng hộ, hai hệ sinh thái tự nhiên này có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên và ứng phó biến đổi khí hậu ở vùng ĐBSCL.

## **3.2. VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TRẠNG VĂN HOÁ ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CỦA CƯ DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY**

### **3.2.1. Vấn đề đặt ra từ thực trạng nhận thức của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long để hình thành quy tắc, chuẩn mực văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên**

*Một là*, những quy tắc, chuẩn mực chưa thích ứng với bối cảnh biến đổi hiện nay. Các quy tắc, Hương ước, Quy ước về bảo vệ môi trường tự nhiên tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL vẫn đang giữ vai trò định hướng hành vi cộng đồng cư dân.

*Hai là*, khoảng cách giữa sự tồn tại của chuẩn mực và mức độ tiếp nhận của cư dân. Sự hiện diện của các quy tắc, chuẩn mực của văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên không đồng nghĩa với việc chúng được cộng đồng tiếp nhận và thực hành một cách đầy đủ.

*Ba là*, những vấn đề đặt ra từ hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường tự nhiên. Trong những năm gần đây, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng như Luật Bảo vệ môi trường (2020), Luật Thủy sản (2017), Luật Đất đai (2013, sửa đổi 2024), cùng các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành nhằm tạo cơ sở pháp lý chặt chẽ cho công tác quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên ở vùng ĐBSCL.

*Bốn là*, chuyển đổi số trong văn hóa và thách thức tiếp cận của cộng đồng cư dân ở các địa phương vùng ĐBSCL. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đã khẳng định: “Phát triển kinh tế số, xã hội số, trong đó chú trọng tháo gỡ các rào cản về hệ thống luật pháp, thủ tục hành chính đối với hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo...Thực hiện chuyển đổi số quốc gia trong quản trị quốc gia, quản trị nhà nước, tổ chức xã hội và quản lý tài nguyên quốc gia...”

*Năm là*, một số chính sách ở địa phương thiếu tính thích ứng với đặc điểm môi trường tự nhiên của vùng. “Chính phủ đã phê duyệt đã bản quy hoạch vùng tích hợp dài hạn cho ĐBSCL để giải quyết những thách thức phát triển ngày càng phức tạp

hơn. Quy hoạch này nhấn mạnh tầm quan trọng của cách tiếp cận theo vùng và sự cần thiết phải hợp tác thay vì cạnh tranh giữa các địa phương...để giải quyết vấn đề trong bối cảnh nguồn lực còn khan hiếm”

### **3.2.2. Vấn đề đặt từ thực trạng thái độ, hành vi của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long trong khai thác, sử dụng tài nguyên trong môi trường tự nhiên**

*Một là*, nhận thức tích cực về bảo vệ tài nguyên chưa được chuyển hóa thành hành vi khai thác và sử dụng mang tính bền vững. Khảo sát tại nhiều địa phương cho thấy cư dân vùng ĐBSCL nhìn chung có thái độ, hành vi tích cực về vai trò của tài nguyên trong môi trường tự nhiên và tầm quan trọng trong văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên.

*Hai là*, đánh đổi tài nguyên vì lợi ích sinh kế trước mắt. Trong khi nhu cầu cải thiện đời sống kinh tế là chính đáng và cấp thiết, nhiều cư dân vùng ĐBSCL lại lựa chọn phương thức khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách tối đa, bất chấp khả năng tái tạo của hệ sinh thái.

*Ba là*, hệ lụy từ kinh tế thị trường, lợi nhuận lấn át trách nhiệm với môi trường. Trong cơ chế thị trường, việc tối đa hóa lợi nhuận thường được đặt lên hàng đầu, nhưng ở vùng ĐBSCL, khi điều này không được điều tiết bởi các nguyên tắc trong khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên trong môi trường tự nhiên, nó dễ dẫn đến tình trạng khai thác vô tội vạ.

*Bốn là*, truyền thống gắn bó với thiên nhiên đối lập với thực tiễn khai thác hiện đại. Từ lâu, cư dân ĐBSCL với lối sống thuận theo tự nhiên, gắn bó với sông nước, rừng ngập mặn và các nguồn tài nguyên bản địa.

### **3.2.3. Vấn đề đặt ra từ thực trạng thái độ, hành vi của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bảo vệ và phục hồi tài nguyên trong môi trường tự nhiên**

*Một là*, thái độ, hành vi của một bộ phận cư dân trong bảo vệ, phục hồi tài nguyên trong môi trường tự nhiên chưa phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững. Cư dân ĐBSCL có sự hiểu biết về tầm quan trọng của việc bảo vệ và phục hồi các loại tài nguyên, từ rừng ngập mặn, thủy sản, đến đất và nước.

*Hai là*, văn hóa truyền thống hòa hợp với thiên nhiên bị lấn át bởi hình thức khai thác công cụ hóa. Người dân ĐBSCL từng sống trong sự cộng sinh với hệ sinh thái, thích ứng với lũ, sử dụng tài nguyên theo mùa vụ, dựa trên tri thức bản địa được tích lũy qua nhiều thế hệ.

*Ba là*, hành vi phục hồi chưa theo kịp với tốc độ khai thác tài nguyên. Mặc dù đã có những chuyển động tích cực như trồng rừng, tái tạo nguồn lợi thủy sản, tuyên truyền môi trường, nhưng xét trên tổng thể, các hoạt động bảo vệ và phục hồi vẫn mang tính nhỏ lẻ, tự phát và không đủ mạnh để làm chậm lại tốc độ suy thoái tài nguyên.

*Bốn là*, hành vi bảo vệ môi trường tập thể không đồng hành với thói quen cá nhân hàng ngày. Nhiều cư dân sẵn sàng tham gia các hoạt động tập thể như dọn vệ sinh, trồng rừng, thả cá.

## Chương 4

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NÂNG CAO VĂN HOÁ ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CỦA CƯ DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY**

#### **4.1. ĐẨY MẠNH GIÁO DỤC, TUYÊN TRUYỀN NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CỦA CƯ DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY**

##### **4.1.1. Nâng cao nhận thức về văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên cho cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long qua hoạt động giáo dục, đào tạo**

*Một là*, đối với học sinh, sinh viên, thế hệ chủ thể của tương lai, giáo dục môi trường tự nhiên cần được tích hợp vào chương trình chính khóa và ngoại khóa dưới dạng trải nghiệm thực tế: tham quan rừng ngập mặn, tìm hiểu hệ sinh thái bản địa ở các địa phương trong vùng, học kỹ năng phân loại rác và tiêu dùng sinh thái.

*Hai là*, với cư dân những người trực tiếp khai thác và sử dụng tài nguyên trong môi trường tự nhiên, các hoạt động đào tạo, tập huấn cần tập trung vào việc truyền đạt kiến thức nhằm thay đổi các hành vi chưa phù hợp với chuẩn mực văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên.

*Ba là*, nâng cao nhận thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên cho đội ngũ cán bộ và các tổ chức đoàn thể ở các địa phương của vùng ĐBSCL đóng vai trò then chốt trong quá trình lan tỏa và định hình hành vi sinh thái trong cộng đồng.

*Bốn là*, đối với các doanh nghiệp địa phương, việc nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong bảo vệ môi trường tự nhiên là yếu tố then chốt để hướng đến phát triển bền vững.

##### **4.1.2. Nâng cao nhận thức về văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên cho cư dân đồng bằng sông Cửu Long qua hoạt động nghệ thuật và truyền thông văn hóa**

*Một là*, nghệ thuật dân gian và nghệ thuật đương đại là phương tiện lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường tự nhiên, các loại hình nghệ thuật truyền thống như cải lương, hò, vè, đờn ca tài tử từ lâu đã gắn bó mật thiết với đời sống văn hóa tinh thần của người dân ĐBSCL.

*Hai là*, truyền thông văn hóa như một công cụ định hướng thái độ và hành vi xã hội trong ứng xử với môi trường tự nhiên. Truyền thông không chỉ là phương tiện truyền đạt thông tin, mà còn là một quá trình tái cấu trúc nhận thức, hình thành hệ giá trị và chuẩn mực hành vi trong cộng đồng.

##### **4.1.3. Nâng cao nhận thức về văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân đồng bằng sông Cửu Long qua hoạt động lao động, sản xuất**

*Một là*, hoạt động lao động, sản xuất là môi trường thực tiễn để hình thành và điều chỉnh nhận thức. Lao động, sản xuất là quá trình con người tương tác trực tiếp với môi trường tự nhiên, từ đó tích lũy kinh nghiệm, tri thức và hình thành ý thức ứng xử có văn hoá với môi trường tự nhiên.

*Hai là*, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên được truyền tải qua tập quán sản xuất, Hương ước, Quy ước cộng đồng. Trong quá trình lao động, các tập quán sản xuất thân thiện với môi trường như một phần của văn hóa ứng xử, thể hiện qua các hình thức canh tác truyền thống như luân canh, xen canh, sử dụng phân hữu cơ, hay bảo tồn rừng ngập mặn ven biển.

## **4.2. XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH GÓP PHẦN NÂNG CAO VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CỦA DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY**

Cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật của Nhà nước và chính quyền địa phương giữ vai trò then chốt trong xây dựng và hoàn thiện việc nâng cao hiệu quả thực thi văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL.

Việc hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống pháp luật không chỉ dừng lại ở việc ban hành các quy định liên quan đến văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên nói chung, mà cần được mở rộng theo hướng bao quát và sâu sắc hơn.

### **4.2.1. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên cho cư dân đồng bằng sông Cửu Long**

*Một là*, cơ chế, chính sách liên quan đến văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên đóng vai trò then chốt trong việc định hướng hành vi, điều chỉnh thái độ và thúc đẩy sự tham gia tích cực của cộng đồng cư dân vào quá trình bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên trong môi trường tự nhiên.

*Hai là*, việc khắc phục những bất cập, tồn tại trong hệ thống cơ chế, chính sách và pháp luật liên quan đến vấn đề văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên cần được xem là giải pháp then chốt nhằm góp phần nâng cao chất lượng đời sống kinh tế - xã hội của cư dân tại các địa phương ở vùng ĐBSCL.

*Ba là*, cần bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật liên quan đến văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, phù hợp với đặc điểm sinh thái, địa lý của các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL.

*Bốn là*, bổ sung và điều chỉnh hệ thống chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm trong khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên tại vùng ĐBSCL, nhằm tăng cường tính răn đe và đảm bảo hiệu lực thi hành pháp luật.

*Năm là*, bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực thi các quy định về bảo vệ tài nguyên và môi trường tự nhiên, nhằm bảo đảm các tổ chức, cá nhân tại vùng ĐBSCL tuân thủ nghiêm túc pháp luật.

*Sáu là*, cần bổ sung rà soát các Hương ước, Quy ước cộng đồng tại các địa phương vùng ĐBSCL, qua đó nâng cao ý thức và duy trì văn hoá ứng xử hài hoà với môi trường tự nhiên.

#### **4.2.2. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật ưu đãi, đãi ngộ, khuyến khích, hỗ trợ, khen thưởng cư dân tham gia, thực hiện tốt văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên ở vùng đồng bằng sông Cửu Long**

*Một là*, cần xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật ưu đãi, đãi ngộ, khuyến khích và hỗ trợ thiết thực đối với cư dân tham gia và thực hiện tốt văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên ở vùng ĐBSCL.

*Hai là*, cần hoàn thiện hệ thống chính sách tài chính và tín dụng nhằm thúc đẩy doanh nghiệp và hộ sản xuất kinh doanh nhỏ ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào quá trình sản xuất gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên.

*Ba là*, khen thưởng và truyền thông, nhân rộng điển hình tiên tiến. Cần xây dựng cơ chế khen thưởng kịp thời, xứng đáng cả về vật chất và tinh thần đối với các cá nhân, cộng đồng, tổ chức có đóng góp tích cực trong việc khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên và gìn giữ, phục hồi môi trường tự nhiên ở vùng ĐBSCL.

*Bốn là*, thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá và minh bạch hóa kết quả thực hiện văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên là một bước đi cần thiết nhằm bảo đảm tính hiệu lực và bền vững của các chính sách môi trường tại vùng ĐBSCL.

*Năm là*, tích hợp văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên vào chiến lược phát triển bền vững cấp tỉnh và vùng là yêu cầu tất yếu để bảo đảm tính hệ thống và hiệu quả lâu dài trong quản lý tài nguyên, môi trường tự nhiên ở ĐBSCL.

### **4.3. PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC, CHỦ ĐỘNG CỦA CƯ DÂN TRONG THỰC HIỆN VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

#### **4.3.1. Cần gắn kết hoạt động bảo vệ và phục hồi tài nguyên trong môi trường tự nhiên với các lợi ích thiết thực của cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long**

*Một là*, bảo vệ môi trường tự nhiên gắn với sinh kế và thu nhập của cư dân. Việc bảo vệ và phục hồi môi trường tự nhiên cần được lồng ghép chặt chẽ với lợi ích sinh kế cụ thể, trước mắt và lâu dài của cư dân vùng ĐBSCL. Thay vì xem bảo vệ môi trường tự nhiên là gánh nặng hay trách nhiệm đơn lẻ, cần chuyển hóa nó thành cơ hội phát triển sinh kế bền vững.

*Hai là*, biến chất thải thành tài nguyên, thúc đẩy văn hóa tái tạo và tuần hoàn sinh thái ở ĐBSCL. Trong bối cảnh gia tăng áp lực môi trường và biến đổi khí hậu, việc chuyển hóa chất thải thành tài nguyên tái sử dụng không chỉ là giải pháp kỹ thuật, mà còn thể hiện sự chuyển biến tích cực trong văn hóa ứng xử của cư dân với môi trường tự nhiên.

*Ba là*, lồng ghép mục tiêu văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên vào các chương trình an sinh và phát triển nông thôn, tiếp cận từ góc nhìn văn hóa ứng xử sinh thái. Trong tiến trình phát triển bền vững vùng ĐBSCL, phát huy văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên cho cư dân vùng cần được lồng ghép một cách hiệu quả vào các chương trình an sinh xã hội và phát triển nông thôn, không chỉ như một

mục tiêu phụ trợ, mà là nền tảng cho sinh kế và chất lượng sống lâu dài của cộng đồng cư dân.

*Bốn là*, thúc đẩy cơ chế đồng quản lý tài nguyên, nâng cao năng lực tự chủ và văn hóa ứng xử có trách nhiệm với môi trường tự nhiên của cộng đồng cư dân ĐBSCL. Vùng ĐBSCL đang chịu nhiều sức ép do biến đổi khí hậu và khai thác thiếu bền vững, việc tăng cường cơ chế đồng quản lý giữa Nhà nước và cộng đồng dân cư trở thành giải pháp quan trọng, vừa đảm bảo hiệu quả quản lý tài nguyên trong môi trường tự nhiên, vừa phát huy văn hóa ứng xử có trách nhiệm với môi trường tự nhiên.

#### **4.3.2. Tăng cường sự phối hợp của cộng đồng cư dân trong việc phát huy văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên nhằm bảo vệ và phục hồi tài nguyên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long**

*Một là*, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý, chính quyền địa phương với cộng đồng dân cư và doanh nghiệp trong việc chia sẻ lợi ích từ hoạt động bảo vệ và phục hồi tài nguyên trong môi trường tự nhiên như khoáng sản, đất đai, thủy sản và rừng ngập mặn là yêu cầu cấp thiết nhằm thiết lập một nền tảng ứng xử hài hòa giữa con người và môi trường tự nhiên.

*Hai là*, tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành và đa ngành giữa các cơ quan lãnh đạo, quản lý trong việc thực thi nhiệm vụ bảo vệ và phục hồi tài nguyên trong môi trường tự nhiên là một yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu lực quản trị và ứng xử bền vững với thiên nhiên.

*Ba là*, vùng ĐBSCL đang đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng do biến đổi khí hậu và khai thác thiếu bền vững, việc phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức chính trị - xã hội, đứng đầu là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, với ngành Tài nguyên và Môi trường ở địa phương trở thành một giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy văn hóa ứng xử hài hòa, có trách nhiệm với môi trường tự nhiên.

*Bốn là*, tăng cường hợp tác giữa các tổ chức quốc tế, chính phủ và cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ và phục hồi tài nguyên trong môi trường tự nhiên ở ĐBSCL không chỉ là một yêu cầu thực tiễn cấp thiết mà còn là biểu hiện của tư duy phát triển bền vững lấy con người làm trung tâm.

#### **4.3.3. Tăng cường nguồn lực nhằm phát huy văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, góp phần bảo vệ và phục hồi tài nguyên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long**

*Một là*, nguồn lực tài chính là yếu tố nền tảng, quyết định hiệu quả triển khai các hoạt động bảo vệ và phục hồi tài nguyên trong môi trường tự nhiên ở vùng ĐBSCL. Để phát huy văn hóa ứng xử với môi trường một cách thiết thực và bền vững, cần có sự đảm bảo về kinh phí cho các hoạt động như: giáo dục cộng đồng, truyền thông nâng cao nhận thức, tập huấn kỹ năng, hỗ trợ chuyển đổi mô hình sản xuất bền vững cho cư dân, cũng như cải tạo và phục hồi các hệ sinh thái đang bị suy thoái.



*Hai là*, nguồn lực nhân lực đóng vai trò trung tâm trong việc thực thi và lan tỏa văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên tại vùng ĐBSCL. Con người chính là chủ thể trực tiếp triển khai các chính sách, chương trình, cũng như thúc đẩy sự thay đổi trong nhận thức và hành vi cộng đồng đối với việc bảo vệ và phục hồi tài nguyên thiên nhiên.

*Ba là*, nguồn lực tri thức giữ vai trò then chốt trong việc phát huy văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên. Tri thức trong bối cảnh này không chỉ bao gồm kiến thức khoa học hiện đại, mà còn bao hàm cả tri thức bản địa, những kinh nghiệm đúc kết từ quá trình sinh sống lâu dài và tương tác mật thiết với môi trường của cư dân địa phương.

*Bốn là*, nguồn lực thể chế là nền tảng cấu trúc cho toàn bộ hệ thống bảo vệ và phục hồi tài nguyên trong môi trường tự nhiên, bao gồm khung pháp lý, chính sách và bộ máy tổ chức có chức năng điều phối các hoạt động có liên quan. Thể chế không chỉ đóng vai trò định hướng mà còn bảo đảm tính khả thi và hiệu lực của việc triển khai các chương trình phát huy văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên tại vùng ĐBSCL.

## KẾT LUẬN

Sự tồn tại và phát triển của con người luôn gắn bó mật thiết với môi trường tự nhiên, bởi đây là nguồn cung cấp các yếu tố thiết yếu cho sinh hoạt và sản xuất. Con người, thông qua các hoạt động kinh tế - xã hội, không ngừng tác động lên môi trường tự nhiên, từ việc khai thác tài nguyên, thay đổi cảnh quan đến xả thải và gây ô nhiễm.

Trong quá trình nghiên cứu lý luận về văn hoá và văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân ở vùng ĐBSCL, luận án tập trung làm rõ các khái niệm then chốt: văn hoá, văn hoá ứng xử, môi trường, môi trường tự nhiên và văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên có liên quan đến vấn đề văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL (quan niệm, nội dung và tầm quan trọng của văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL).

Trên cơ sở đó, luận án xác định văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL, là nhận thức của cư dân vùng ĐBSCL về quy tắc, chuẩn mực ứng xử với môi trường tự nhiên; Thái độ, hành vi của cư dân vùng ĐBSCL trong khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; Thái độ, hành vi của cư dân vùng ĐBSCL trong bảo vệ và phục hồi các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Từ đó, thấy được tầm quan trọng của văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL là góp phần nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi của cư dân trong bảo vệ môi trường tự nhiên, ngăn chặn nhận thức, thái độ, hành vi sai trái của cư dân trong ứng xử môi trường tự nhiên và phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

Nghiên cứu thực trạng văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL hiện nay, luận án phân tích kết quả đạt được trong văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL ở ba nội dung như sau:

*Một là*, trong nhận thức của cư dân vùng ĐBSCL về quy tắc, chuẩn mực ứng xử với môi trường tự nhiên thể hiện đồng thời cả những mặt tích cực lẫn những hạn chế, phản ánh mối quan hệ phức hợp giữa truyền thống văn hóa, điều kiện sinh kế và các tác động từ quá trình hiện đại hóa. Về mặt tích cực, phần lớn cư dân ĐBSCL, vẫn duy trì được hệ tri thức bản địa sâu sắc về môi trường tự nhiên.

*Hai là*, thái độ và hành vi của cư dân vùng ĐBSCL trong khai thác và sử dụng tài nguyên trong môi trường tự nhiên phản ánh mối quan hệ chặt chẽ giữa tri thức bản địa, nhu cầu sinh kế và mức độ tiếp cận với các quy chuẩn phát triển bền vững. Về mặt tích cực, phần lớn cư dân trong vùng có thái độ tích cực đối với văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách tiết kiệm, hợp lý.

*Ba là*, thái độ và hành vi của cư dân vùng ĐBSCL trong bảo vệ và phục hồi tài nguyên trong môi trường tự nhiên phản ánh sự đan xen giữa ý thức cộng đồng, tri thức truyền thống và áp lực sinh kế trong bối cảnh biến đổi khí hậu và khai thác quá mức.

Bên cạnh đó luận án cũng chỉ ra được những vấn đề đặt ra từ thực trạng văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL hiện nay còn tồn tại nhưng bất cập: (1) Thực trạng nhận thức của cư dân vùng ĐBSCL về quy tắc, chuẩn mực ứng xử với môi trường tự nhiên đang bộc lộ những mâu thuẫn trong bối cảnh biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường; (2) từ thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên của cư dân vùng ĐBSCL cho thấy những mâu thuẫn nổi bật giữa nhận thức tích cực và hành vi chưa bền vững.; (3) Thực trạng thái độ và hành vi của cư dân vùng ĐBSCL trong bảo vệ và phục hồi tài nguyên thiên nhiên đang bộc lộ nhiều mâu thuẫn nội tại, đặt ra những vấn đề đáng lưu ý trong bối cảnh phát triển bền vững.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn về văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL được trình bày trong Chương 2 và Chương 3, luận án đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân ở các địa phương trong vùng ĐBSCL bằng các giải pháp sau:

(1) Đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức về văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL hiện nay; (2) Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách góp phần nâng cao văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên cư dân vùng ĐBSCL hiện nay; (3) Phát huy tính tích cực, chủ động của cư dân trong thực hiện văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên ở vùng ĐBSCL hiện nay. Các giải pháp này được triển khai đồng bộ sẽ góp phần nâng cao văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân vùng ĐBSCL hiện nay.

## **DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Lê Trọng Hưng (2023), “Philosophical perspective of Marxism-Leninism on the relationship between behavioral culture and the natural environment”, *Tạp chí quốc tế. European Journal of Political Science Studies*, Volume 6, Issue 3, 2023, Mã số ISSN:2601-2766) DoI:10.46827/ejpss.v6i3.1550
2. Lê Trọng Hưng (2024), “Quan điểm Triết học Mác - Lênin về văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 558 (8/2024), ISSN 2525 - 2585.
3. Lê Trọng Hưng (2025), “Vận dụng quan điểm triết học Mác - Lênin về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trong xây dựng văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn/>.